

- Tính giá trị của biểu thức số (Phần 1)
- Tính giá trị của biểu thức số (Phần 2)
- Tính giá trị của biểu thức số (Phần 3)

Làm quen với biểu thức số

Câu 1. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho hình vẽ sau:



Khẳng định: “Biểu thức số được in trên chậu hoa được đọc là mười lăm trừ bốn” đúng hay sai?

- A. Đúng B. Sai

Câu 3. Chọn đáp án đúng.

Khi ta gấp số 28 lên 3 lần rồi bớt đi 20 thì ta viết được biểu thức nào?

- A. $28:3-20$ B. $28\times3-20$ C. $3+28-20$ D. $20-3\times28$

Câu 4. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Biểu thức số $20+3$ được đọc là:

- A. Hai mươi chia ba B. Hai mươi cộng ba
C. Hai mươi nhân ba D. Hai mươi trừ ba

Câu 5. Chọn đáp án đúng:

$124 + 6$	$25:5 + 8$	$23+6-4$	$5<11$
-----------	------------	----------	--------

Trong hình trên có bao nhiêu biểu thức?

- A. 4 B. 2 C. 3

Câu 6. Điền số thích hợp để điền vào ô trống.

Giá trị của biểu thức $45+15$ là

Giá trị của biểu thức $88:8$ là.....

Câu 7. Điền số thích hợp vào ô trống.

Biểu thức $315:9$ có giá trị là.....

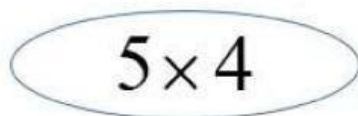
Câu 8. Chọn tất cả các câu trả lời đúng.

Biết $A=25+3$. Khi đó ta có thể gọi A là:

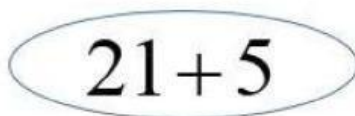
A. Tổng B. Hiệu C. Biểu thức D. Tích

Câu 9. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Cho hình vẽ sau:



Hình 1



Hình 2

Hỏi hình vẽ nào thể hiện biểu thức tổng của 21 cộng 5?

Trả lời: Hình

Câu 10. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Hiệu của số liền sau số 21 trừ đi 3 được lập thành biểu thức là:

A. $22+3$ B. $22-3$ C. $20-3$ D. $20+3$

Câu 11. Hãy chọn các đáp án đúng.

So sánh 2 biểu thức sau:

$$A=117+14$$

$$B=216-54$$

A. B bằng A B. A nhỏ hơn B C. A lớn hơn B D. B lớn hơn A

Câu 12. Hãy chọn các đáp án đúng.

So sánh 2 biểu thức sau đây

$$A=12+54$$

$$B=24+36$$

A. A nhỏ hơn B B. A lớn hơn B C. A bằng B

Câu 13. Điền số thích hợp vào ô trống.

Tính giá trị của biểu thức $9 \times 8 : 6$

Giá trị của biểu thức là.....

Câu 14. Chọn đáp án thích hợp để điền vào ô trống.

156 là giá trị của biểu thức $276 - \dots$

99 là giá trị của biểu thức $9 \times \dots$

Câu 15. Chọn đáp án đúng.

So sánh hai biểu thức sau:

12×2 và $54 - 30$

A. $12 \times 2 < 54 - 30$

B. $12 \times 2 > 54 - 30$

C. $12 \times 2 = 54 - 30$

Câu 16. Chọn đáp án đúng.

Điền dấu thích hợp để được phép tính đúng.

$45 \dots 5 = 9$.

A. Dấu phép tính nhân

B. Dấu phép tính chia

C. Dấu phép tính cộng

D. Dấu phép tính trừ

Câu 17. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho các biểu thức sau:

$C = 53 + 22$

$D = 4 \times 5 + 27$

Đáp án nào dưới đây là đúng?

A. $C > D$

B. $C < D$

D. $C = D$

Câu 18. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Tổng của ba số 23, 15 và 50 được lập thành biểu thức là:

A. $50+15-23$

B. $23-15+50$

C. $23+15+50$

Câu 20. Bạn hãy chọn đáp án thích hợp để điền vào ô trống.

Thương của 25 chia cho 5 được lập thành biểu thức là 25 5.

A. +

B. :

C. x

Câu 21. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Cho $A = x - 214$. Khi $x = 500$ thì giá trị của A là

Câu 22. Chọn đáp án đúng.

Một lớp có 45 học sinh. Cuối học kì I, các học sinh của lớp đều được xếp loại học lực Khá và Giỏi. Trong đó có 20 học sinh xếp loại học lực Giỏi. Mỗi học sinh giỏi được thưởng 5 bút và học sinh khá được thưởng 3 bút. Tính tổng số bút mà lớp nhận được.

A. 165 cái bút

B. 175 cái bút

C. 185 cái bút

Câu 23. Kéo đáp án vào ô trống để được câu đúng.

Tổng của hai số 213 và 231



$$213 + 231$$

Hiệu của 4736 và 2432



$$4736 - 2432$$

Tổng của 2 lần số 421 và 3 lần số 231



$$2 \times 421 + 3 \times 231$$

Câu 24. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

An có 30 viên bi, Bình có số bi bằng số bi của An chia cho 3. Hỏi An có nhiều hơn Bình bao nhiêu viên bi?

- A. 20 viên bi B. 10 viên bi C. 30 viên bi

Câu 25. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho tam giác ABC có độ dài 3 cạnh lần lượt là 35dm, 43dm và 55dm. Hỏi chu vi tam giác ABC đã cho bằng bao nhiêu xăng-ti-mét?

- A. 125cm B. 1330cm C. 1250cm D. 133cm

Câu 26. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Biểu thức nào dưới đây có giá trị lớn nhất?

- A. $93+75$ B. $100+350-80$ C. 60×4

Câu 27. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Bạn An viết: Tích ba số 4,6 và 9 được lập thành biểu thức là $4\times 6\times 9$.

Hỏi bạn An viết đúng hay sai?

- A. Sai B. Đúng

Câu 28. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Lan lấy số 205 gấp lên 4 lần rồi bớt đi 502 đơn vị thì được kết quả là

Câu 29. Hãy chọn các đáp án đúng.

So sánh 2 biểu thức:

$$A=54+27-10$$

$$B=35+15-9$$

- A. A bằng B B. B nhỏ hơn A C. A lớn hơn B D. B lớn hơn A

Câu 30. Hãy chọn các đáp án đúng.

So sánh 2 biểu thức:

$$A=12+24-10$$

$$B=25+10-5$$

- A. A bằng B B. A nhỏ hơn B C. B lớn hơn A D. A lớn hơn B

Câu 31. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Để tính giá trị của biểu thức $64:8 \times 4$, ta lấy 64 chia cho 8, rồi nhân với 4, được kết quả là

Câu 32. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Khi lấy tổng của 117 và 514 rồi bớt đi 126 ta được kết quả là:

$$117 + 514 - 126 = 505$$

Câu 33. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Hùng thực hiện tính giá trị của biểu thức $123+578$ được kết quả là 601. Hỏi Hùng tính đúng hay sai?

A. Sai

B. Đúng

$$123+578 = 701$$

Câu 34. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Khi lấy tích của 7 và 6 rồi chia cho 3 thì ta được kết quả là:

Câu 35. Điền số thích hợp vào ô trống.

Giá trị của biểu thức $24:4 \times 6$ là.....

Câu 37. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho hai biểu thức: $M=23 \times 4$ và $N=8:4$

Khẳng định nào dưới đây là đúng?

A. $M:N=45$

B. $M:N=46$

C. $M:N=47$

D. $M:N=48$

Câu 38. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho các biểu thức $A=180:6+30$; $B=180+30:6$

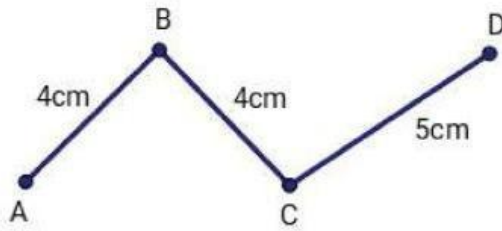
Trong các khẳng định sau đây, khẳng định nào đúng?

A. $A>B$

B. $A=B$

C. $A<B$

Câu 39. Cho hình vẽ sau:

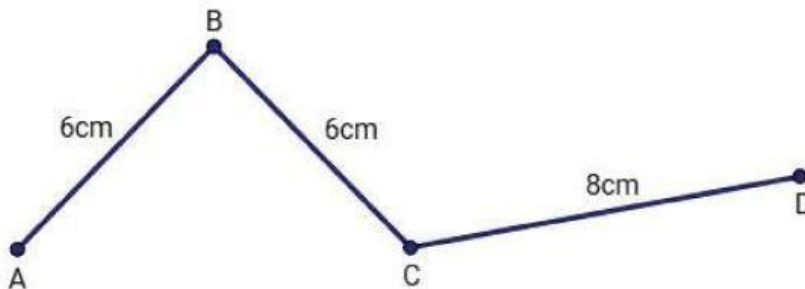


Khẳng định nào dưới đây đúng?

- A. Độ dài đường gấp khúc ABCD là 13cm.
- B. Độ dài đường gấp khúc ABC là 6cm.
- C. Để tính độ dài đường gấp khúc ABC, ta tính: 4×2 .
- D. Để tính độ dài đường gấp khúc ABCD, ta tính: $4 + 4 - 5$.

Câu 40. Bạn hãy chọn tất cả đáp án đúng.

Cho hình vẽ sau:



Khẳng định nào dưới đây đúng?

- A. Để tính độ dài đường gấp khúc ABC, ta tính: $6 + 2$.
- B. Để tính độ dài đường gấp khúc ABCD, ta tính: $6 + 6 + 8$.
- C. Độ dài đường gấp khúc ABCD là 19cm.
- D. Độ dài đường gấp khúc ABC là 12cm.

Câu 41. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho khẳng định: "Nếu trong biểu thức chỉ có các phép tính cộng, trừ thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự" Cụm từ thích hợp để điền vào chỗ chấm để được khẳng định đúng là:

- A. tùy ý
- B. từ trái sang phải
- C. từ phải sang trái

Câu 42. Chọn giá trị thích hợp để điền vào chỗ trống.

$$12+12+12+12+12=$$

A. 60

B. 48

C. 50

Câu 43. Bạn hãy chọn dấu trong khung để điền vào chỗ trống để tạo thành phép tính đúng.

$$70+30 \dots 56=44$$

A. +

B. -

C. x

D. :

Câu 44. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

$$8 \times 8 \dots 4 = 60$$

Dấu cần điền vào dấu ba chấm để được kết quả bằng 60 là:

A. +

B. -

C. x

D. :

Câu 45. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Khi lấy số lớn nhất có hai chữ số cộng với 180 rồi bớt đi 28 thì ta được kết quả là:

$$99 + 180 - 28 = 251$$

Câu 46. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Tổng của số lớn nhất có 2 chữ số và số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là